

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD
TÊN HỌC PHẦN: NHỮNG NLCB CỦA CN MAC LÊ 1
MÃ HỌC PHẦN : PHI - 161

HỌC KỲ 3
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 03/10/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15				20	10			55	100			
1	152212624	TRƯƠNG THANH	PHƯƠNG	K16XDD1	8					7	7			5	6.1	Sầu pháy Mắt	
2	152212670	NGUYỄN TRÍ	HÀ	K16XDD1	4					7.5	5			4.5	5.1	Nằm pháy Mắt	
3	152316364	NGUYỄN VĂN	VỸ	K16XDD1	7					7	7			HP	0.0	Khăng	
4	152336228	BÙI VIỆT	TÂN	K16XDD1	7					7.5	7			1.5	0.0	Khăng	
5	162213213	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	K16XDD1	4					7	5			2.5	0.0	Khăng	
6	162213216	NGUYỄN TUẤN	ĐĂNG	K16XDD1	7					7	7			3	0.0	Khăng	
7	162213218	NGUYỄN TRUNG	ĐỘ	K16XDD1	8					7.5	7			3	0.0	Khăng	
8	162213221	NGÔ LÊ MINH	ĐỨC	K16XDD1	5					7.5	6			4.5	5.3	Nằm pháy Ba	
9	162213223	ĐOÀN VĂN	DUY	K16XDD1	8					7.5	7			DC	0.0	Khăng	
10	162213227	NGUYỄN VĂN	HẢI	K16XDD1	8					7.5	7			7.5	7.5	Báy pháy Nằm	
11	162213228	NGUYỄN ĐÌNH	HẠNH	K16XDD1	8					7.5	7			3	0.0	Khăng	
12	162213233	TRẦN LÊ	HIẾU	K16XDD1	7					7.5	7			4	5.5	Nằm pháy Nằm	
13	162213238	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K16XDD1	7					7	7			5	5.9	Nằm pháy Chên	
14	162213241	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K16XDD1	8					7	7			3	0.0	Khăng	
15	162213247	TRẦN ĐỨC	HÙNG	K16XDD1	5					7.5	6			DC	0.0	Khăng	
16	162213250	LÊ THẾ	HUY	K16XDD1	5					7	6			0	0.0	Khăng	
17	162213253	ĐỖ HỮU	KHANG	K16XDD1	8					7	7			3	0.0	Khăng	
18	162213255	TRẦN PHƯỚC	LỊCH	K16XDD1	7					7	7			6	6.5	Sầu pháy Nằm	
19	162213258	LÊ DUY	LỘC	K16XDD1	8					7	7			1.5	0.0	Khăng	
20	162213263	ĐẶNG NGỌC	LONG	K16XDD1	8					8	7			7	7.4	Báy pháy Bấu	
21	162213267	HỒ THẮNG	MINH	K16XDD1	8					7	7			DC	0.0	Khăng	
22	162213270	VÕ TRUNG	NGHĨA	K16XDD1	8					7	7			6	6.6	Sầu pháy Sầu	
23	162213273	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	K16XDD1	8					7.5	8			5.5	6.5	Sầu pháy Nằm	
24	162213277	TRẦN LỆ	NINH	K16XDD1	8					8.5	8			8	8.1	Tằm pháy Mắt	
25	162213281	NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG	K16XDD1	8					7	7			4	5.5	Nằm pháy Nằm	
26	162213284	LÊ THẾ	QUÂN	K16XDD1	4					7.5	5			4.5	5.1	Nằm pháy Mắt	
27	162213287	HOÀNG THANH	QUANG	K16XDD1	5					7.5	5			5	5.5	Nằm pháy Nằm	
28	162213291	NGUYỄN THANH	SAN	K16XDD1	7					7	7			5	5.9	Nằm pháy Chên	
29	162213301	ĐOÀN VĂN	THANH	K16XDD1	7					7.5	7			4.5	5.7	Nằm pháy Báy	
30	162213304	LÊ TRUNG	THÀNH	K16XDD1	8					7.5	7			5.5	6.4	Sầu pháy Bấu	
31	162213307	LÊ MINH	THIỆN	K16XDD1	5					7.5	6			5	5.6	Nằm pháy Sầu	
32	162213310	VÕ ĐĂNG	THỨ	K16XDD1	8					7.5	7			4.5	5.9	Nằm pháy Chên	
33	162213314	HOÀNG VĂN	THƯỜNG	K16XDD1	8					7	7			6	6.6	Sầu pháy Sầu	
34	162213317	PHAN MINH	TIẾN	K16XDD1	7					7	7			5	5.9	Nằm pháy Chên	
35	162213328	HỒ VĂN	TRUNG	K16XDD1	5					7	6			0	0.0	Khăng	
36	162213331	HOÀNG NGỌC	TRƯỜNG	K16XDD1	7					7.5	7			8	7.7	Báy pháy Báy	
37	162213337	DƯƠNG ANH	TUẤN	K16XDD1	7					7	7			5.5	6.2	Sầu pháy Hai	
38	162213339	VĂN HỮU	TUẤN	K16XDD1	7					7.5	7			2.5	0.0	Khăng	
39	162213341	TRẦN VĂN	TUẤN	K16XDD1	8					7.5	7			6.5	7.0	Báy	
40	162213342	NGÔ VIỆT	TUẤN	K16XDD1	8					7.5	7			6.5	7.0	Báy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD

TÊN HỌC PHẦN: NHỮNG NLCB CỦA CN MAC LÊ 1

HỌC KỲ 3

MÃ HỌC PHẦN : PHI - 161

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 03/10/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15				20	10			55	100			
41	162213345	NGUYỄN TRÍ	TUẤN	K16XDD1	8				7	7			7	7.2	Báý pháý Hai		
42	162213350	TRƯƠNG CÔNG	VŨ	K16XDD1	7				7	7			6.5	6.7	Sầu pháý Báý		
43	162213354	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K16XDD1	7				7.5	7			5.5	6.3	Sầu pháý Ba		
44	162216501	NGÔ TRÍ	NGUYỄN	K16XDD1	8				7.5	7			6	6.7	Sầu pháý Báý		
45	162216630	TRẦN THÁI	BẢO	K16XDD1	8				7.5	7			6	6.7	Sầu pháý Báý		
46	162216705	NGUYỄN VĨNH	AN	K16XDD1	8				8	7			4.5	6.0	Sầu		
47	162216913	PHAN VĂN	PHÁT	K16XDD1	7				7	7			7	7.0	Báý		
48	162217004	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN	ANH	K16XDD1	4				7	5			6	5.8	Nằm pháý Tằm		
49	162217346	BẠCH THANH	QUÍ	K16XDD1	7				7	7			5.5	6.2	Sầu pháý Hai		
50	162524298	ĐỒNG PHƯỚC	NHÂN	K16XDD1	7				8	7			7.5	7.5	Báý pháý Nằm		
51	152132006	NGUYỄN TƯ	HIẾU	K16XDD1	0				0	0			HP	0.0	Khăng		
52	152212703	LÊ ANH	VŨ	K16XDD1	0				0	0			V	0.0	Khăng		
53	162163166	NGUYỄN MINH	HẢI	K16XDD2	7				7	7			6	6.5	Sầu pháý Nằm		
54	162213210	NGUYỄN THANH	BÌNH	K16XDD2	1				7	5			3.5	0.0	Khăng		
55	162213217	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16XDD2	5				6	5			5.5	5.5	Nằm pháý Nằm		
56	162213219	LÊ NHẬT CÔNG	ĐOAN	K16XDD2	5				7	5			6.5	6.2	Sầu pháý Hai		
57	162213225	TRẦN KHÁNH	DUY	K16XDD2	7				7	7			5.5	6.2	Sầu pháý Hai		
58	162213229	NGUYỄN VĂN	HẢO	K16XDD2	7				5	7			6	6.1	Sầu pháý Mắú		
59	162213237	PHAN ĐÌNH	HOÀNG	K16XDD2	1				6.5	5			6	5.3	Nằm pháý Ba		
60	162213239	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	K16XDD2	5				6.5	6			5.5	5.7	Nằm pháý Báý		
61	162213243	TRƯƠNG QUANG	HÙNG	K16XDD2	5				0	6			HP	0.0	Khăng		
62	162213252	THÁI	HUY	K16XDD2	8				5	7			5	5.7	Nằm pháý Báý		
63	162213256	TRẦN HOÀNG	LINH	K16XDD2	7				7.5	7			6	6.6	Sầu pháý Sầu		
64	162213259	ĐỖ ĐĂNG	LỢI	K16XDD2	5				7	6			6	6.1	Sầu pháý Mắú		
65	162213262	NGUYỄN ĐẠI	LONG	K16XDD2	8				6.5	7			4.5	5.7	Nằm pháý Báý		
66	162213266	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	K16XDD2	7				7.5	7			5	6.0	Sầu		
67	162213269	NGUYỄN HOÀNG	NAM	K16XDD2	7				7.5	7			5	6.0	Sầu		
68	162213271	HOÀNG NGUYỄN	NGỌC	K16XDD2	7				5	7			5	5.5	Nằm pháý Nằm		
69	162213274	HUỲNH BÁ	NGUYỄN	K16XDD2	5				7	6			V	0.0	Khăng		
70	162213278	TRẦN THANH	PHÁP	K16XDD2	5				5	6			3	0.0	Khăng		
71	162213279	LƯU VŨ TÂN	PHONG	K16XDD2	7				6	7			DC	0.0	Khăng		
72	162213283	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	K16XDD2	5				6	6			6	5.9	Nằm pháý Chên		
73	162213288	NGUYỄN THƯỢNG	QUỐC	K16XDD2	7				7	7			5	5.9	Nằm pháý Chên		
74	162213293	NGÔ TRƯỜNG	SINH	K16XDD2	8				5	7			6	6.2	Sầu pháý Hai		
75	162213298	THÁI VĂN	THẠCH	K16XDD2	7				6	7			3	0.0	Khăng		
76	162213300	ĐOÀN NGỌC	THẠCH	K16XDD2	7				7	7			5.5	6.2	Sầu pháý Hai		
77	162213302	LÊ VĂN	THANH	K16XDD2	7				6.5	7			5.5	6.1	Sầu pháý Mắú		
78	162213305	NGUYỄN TẤN	THÀNH	K16XDD2	8				5	7			5	5.7	Nằm pháý Báý		
79	162213308	NGUYỄN HỮU	THỜI	K16XDD2	1				6.5	5			4.5	4.4	Bấ pháý Bấú		
80	162213313	NGUYỄN QUANG	THƯƠNG	K16XDD2	8				7	7			4	5.5	Nằm pháý Nằm		
81	162213315	HÀ TRỌNG	THUY	K16XDD2	8				5	7			5	5.7	Nằm pháý Báý		
82	162213319	NGUYỄN PHÚC ANH	TOÀN	K16XDD2	7				7	7			5.5	6.2	Sầu pháý Hai		
83	162213327	NGÔ VĂN	TRUNG	K16XDD2	7				5	7			4	5.0	Nằm		

Ngày thi: 03/10/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15				20	10			55	100			
84	162213330	NGUYỄN ĐỨC	TRUÔNG	K16XDD2	7				7	7			6	6.5	Sầu pháy Nàm		
85	162213333	PHẠM MINH	TUẤN	K16XDD2	5				7.5	6			5.5	5.9	Nàm pháy Chèn		
86	162213340	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	K16XDD2	5				6	6			7	6.4	Sầu pháy Bấu		
87	162213343	LÃ ANH	TUẤN	K16XDD2	7				6.5	7			5	5.8	Nàm pháy Tằm		
88	162213346	ĐOÀN VĂN	TÙNG	K16XDD2	8				7	7			4	5.5	Nàm pháy Nàm		
89	162213347	TRẦN HOÀNG	VIỆT	K16XDD2	0				0	0			6	3.3	Ba pháy Ba		
90	162213349	VÕ ĐÌNH	VŨ	K16XDD2	3				7	5			3.5	0.0	Khăng		
91	162213352	PHAN TUẤN	VŨ	K16XDD2	8				7	7			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
92	162213357	TRẦN VĂN	VƯƠNG	K16XDD2	8				5	7			6.5	6.5	Sầu pháy Nàm		
93	162216429	LÊ VĂN	DUNG	K16XDD2	5				7	6			HP	0.0	Khăng		
94	162216497	VÕ ĐỨC	ANH	K16XDD2	8				6.5	7			7.5	7.3	Baý pháy Ba		
95	162216500	HOÀNG LÊ SÔNG	HIẾU	K16XDD2	7				7	7			4.5	5.6	Nàm pháy Sầu		
96	162216831	NGUYỄN	CHIẾN	K16XDD2	7				7	7			5	5.9	Nàm pháy Chèn		
97	162217174	NGUYỄN ĐỨC	ANH	K16XDD2	7				7	7			7.5	7.3	Baý pháy Ba		
98	162217175	PHẠM THÁI	PHƯƠNG	K16XDD2	5				6	6			HP	0.0	Khăng		
99	162217253	HOÀNG	BI	K16XDD2	5				6.5	6			0	0.0	Khăng		
100	162223392	TRẦN TUẤN	KHANH	K16XDD2	5				7.5	6			4	5.1	Nàm pháy Mất		
101	162314532	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	K16XDD2	8				7.5	7			5.5	6.4	Sầu pháy Bấu		
102	162113017	THÁI ĐẠI	LỰC	K16XDD3	7				6.5	7			5.5	6.1	Sầu pháy Mất		
103	162163164	LÊ ĐÌNH	ĐIỆP	K16XDD3	7				7	7			1.5	0.0	Khăng		
104	162213206	NGUYỄN HOÀNG	ANH	K16XDD3	7				7	6			2.5	0.0	Khăng		
105	162213207	ĐÀO NGUYỄN	BÁ	K16XDD3	8				7.5	7			4	5.6	Nàm pháy Sầu		
106	162213209	VÕ ĐĂNG	BẢO	K16XDD3	5				7	5			2	0.0	Khăng		
107	162213211	NGUYỄN THANH	BÌNH	K16XDD3	7				7	6			3	0.0	Khăng		
108	162213214	TRẦN THANH	CẢNH	K16XDD3	8				7	7			DC	0.0	Khăng		
109	162213215	TRẦN ĐÌNH	CHỈNH	K16XDD3	7				7	6			2.5	0.0	Khăng		
110	162213220	NGUYỄN ĐỨC	DOANH	K16XDD3	8				7	7			6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
111	162213222	NGUYỄN HỮU THANH	DŨNG	K16XDD3	8				7.5	8			3	0.0	Khăng		
112	162213226	NGUYỄN QUANG	GIỚI	K16XDD3	5				6.5	5			5	5.3	Nàm pháy Ba		
113	162213231	HOÀNG TRUNG	HIẾN	K16XDD3	7				7	6			3.5	0.0	Khăng		
114	162213232	LƯU CÔNG	HIẾU	K16XDD3	8				7	7			5.5	6.3	Sầu pháy Ba		
115	162213240	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	K16XDD3	5				7	6			HP	0.0	Khăng		
116	162213242	BẠC CẨM THÁI	HOÀNG	K16XDD3	7				7	6			5	5.8	Nàm pháy Tằm		
117	162213249	PHẠM ĐẮC	HƯNG	K16XDD3	3				0	5			5	3.7	Ba pháy Baý		
118	162213251	TỪ SỸ	HUY	K16XDD3	8				6.5	7			3	0.0	Khăng		
119	162213254	TRẦN VƯƠNG	KHIẾT	K16XDD3	8				6.5	7			4	5.4	Nàm pháy Bấu		
120	162213257	NGUYỄN ĐÌNH	LĨNH	K16XDD3	7				7	6			5	5.8	Nàm pháy Tằm		
121	162213260	NGUYỄN THANH	LONG	K16XDD3	7				7	6			5.5	6.1	Sầu pháy Mất		
122	162213265	NGUYỄN VĂN	LUÂN	K16XDD3	5				6	5			2	0.0	Khăng		
123	162213268	TRẦN HẢI	NAM	K16XDD3	7				7	6			3.5	0.0	Khăng		
124	162213272	NGUYỄN PHƯỚC BẢO	NGỌC	K16XDD3	7				7	6			5	5.8	Nàm pháy Tằm		
125	162213275	LÊ BÁ	NGUYỄN	K16XDD3	7				6	7			0	0.0	Khăng		
126	162213276	HỒ TẤN	NHIÊN	K16XDD3	5				6.5	5			HP	0.0	Khăng		

Ngày thi: 03/10/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15				20	10			55	100			
127	162213280	BÙI VĂN PHÚ	K16XDD3	8				7	7			6	6.6	Sầu pháy Sầu			
128	162213282	TRẦN HỮU PHƯƠNG	K16XDD3	7				7	7			2	0.0	Khăng			
129	162213285	ĐẶNG PHƯƠNG QUANG	K16XDD3	5				6	6			5	5.3	Nằm pháy Ba			
130	162213289	NGUYỄN BÁ MINH QUỐC	K16XDD3	8				7	7			7	7.2	Báy pháy Hai			
131	162213294	PHAN XUÂN SINH	K16XDD3	3				6.5	5			HP	0.0	Khăng			
132	162213295	PHAN XUÂN SƠN	K16XDD3	5				6.5	5			3	0.0	Khăng			
133	162213296	ĐINH TRỌNG TÂM	K16XDD3	7				7	6			7.5	7.2	Báy pháy Hai			
134	162213299	NGUYỄN VĂN THẠCH	K16XDD3	8				6.5	7			4	5.4	Nằm pháy Bấu			
135	162213303	LÊ CHÍ THÀNH	K16XDD3	0				0	0			HP	0.0	Khăng			
136	162213309	NGUYỄN HOÀNH THỐNG	K16XDD3	8				7.5	7			5	6.2	Sầu pháy Hai			
137	162213311	TRẦN QUỐC THƯƠNG	K16XDD3	0				0	0			HP	0.0	Khăng			
138	162213316	TRẦN DIỄN THUYẾT	K16XDD3	5				7	6			4	5.0	Nằm			
139	162213318	NGUYỄN DUY TOÀN	K16XDD3	8				7	7			6	6.6	Sầu pháy Sầu			
140	162213326	TƯỜNG XUÂN TRÚC	K16XDD3	8				7	8			5	6.2	Sầu pháy Hai			
141	162213329	ĐÀO HỮU TRƯỜNG	K16XDD3	8				7	8			6	6.7	Sầu pháy Báy			
142	162213332	NGUYỄN NGỌC TÚ	K16XDD3	5				6	5			4.5	4.9	Bấu pháy Chèn			
143	162213335	PHẠM MAI QUANG TUẤN	K16XDD3	8				6.5	7			4.5	5.7	Nằm pháy Báy			
144	162213336	NGUYỄN ANH TUẤN	K16XDD3	8				6.5	7			7	7.1	Báy pháy Mất			
145	162213338	TRẦN ANH TUẤN	K16XDD3	8				7	7			5.5	6.3	Sầu pháy Ba			
146	162213344	MAI ĐỨC TUẤN	K16XDD3	8				6	7			6	6.4	Sầu pháy Bấu			
147	162213351	TRẦN TUẤN VŨ	K16XDD3	7				7.5	6			6	6.5	Sầu pháy Nằm			
148	162213353	NGUYỄN QUANG VŨ	K16XDD3	7				7	6			5	5.8	Nằm pháy Tâm			
149	162213355	ĐỖ MINH VƯƠNG	K16XDD3	3				6	5			5.5	5.2	Nằm pháy Hai			
150	162216808	NGUYỄN LÂM TÙNG	K16XDD3	8				7.5	7			5	6.2	Sầu pháy Hai			
151	162217085	NGUYỄN DUY THÁI	K16XDD3	3				0	5			5.5	4.0	Bấu			
152	162217572	NGUYỄN HOÀNG THIÊ NHÂN	K16XDD3	7				7.5	7			6	6.6	Sầu pháy Sầu			
153	162217670	NGUYỄN TUẤN TRUNG	K16XDD3	2				0	5			HP	0.0	Khăng			
154	162223374	HUỲNH NGỌC HẠNH	K16XDD3	8				7	7			7	7.2	Báy pháy Hai			
155	162333778	NGUYỄN VĂN QUANG	K16XDD3	8				6.5	7			6	6.5	Sầu pháy Nằm			
1	4519	ĐỖ QUANG PHỤNG	K13XDD	5				7	5			6	6.0	Sầu			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	107	69%	
2	Số sinh viên nợ	49	31%	
TỔNG CỘNG :		156	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú